

Số: **73/2021/QĐST-HNGĐ**

Na Hang, ngày 02 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 65/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2021, giữa:

- Ông **Phan Văn H**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện NH, tỉnh TQ.

- Bà **Nông Thị Duy**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện NH, tỉnh TQ.

- Anh **Phan Đức Huy**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện NH, tỉnh TQ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phan Văn H và bà Nông Thị D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Phan Văn H và bà Nông Thị D cùng xác định có 01 con chung là cháu Phan Đức H, sinh ngày 05/8/1998. Hiện nay cháu H đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động tự lực, nên không đề nghị giải quyết.

2.2. Về tài sản chung:

2.2.1. Giao cho bà Nông Thị D được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt các tài sản sau:

- Đất ở: Có diện tích 100m² (có chiều rộng tám mét đường nội khu 04m, chiều dài hết đất đến rãnh thoát nước phía sau là 25m; phần đất này giáp với đất trống của nhà nước hiện nay chưa ai sử dụng; trên đất có 01 nhà ở bằng gỗ); tại thửa đất số: 11; Khu A, tờ bản đồ quy hoạch tái định cư Hang Khào; địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 14, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài; nguồn gốc sử dụng: “*Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất*”; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BA 781086; số vào sổ cấp GCN: CH 00086 do UBND huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 20/5/2010 mang tên Phan Văn H và Nông Thị D.

- Nhà ở: Loại nhà gỗ 03 gian, 4 hàng chân; Diện tích: 34m²; Kết cấu nhà: Tường nhà bung gỗ, mái lợp Ploximang, nền lát xi măng cát; Năm làm 2006.

2.2.2. Giao cho ông Phan Văn H được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt 100m² đất (có chiều rộng tám mét đường nội khu 04m, chiều dài hết đất đến rãnh thoát nước phía sau là 25m; phần đất giáp với đất của anh Phan Văn Đức đang sử dụng); tại thửa đất số: 11; Khu A, tờ bản đồ quy hoạch tái định cư Hang Khào; địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 14, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài; nguồn gốc sử dụng: “*Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất*”; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BA 781086; số vào sổ cấp GCN: CH 00086 do UBND huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 20/5/2010 mang tên Phan Văn H và Nông Thị D.

Ông Phan Văn H và bà Nông Thị D có nghĩa vụ kê khai, đăng ký để chỉnh lý cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2.3. Ông Phan Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phan Đức H số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Bà Nông Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phan Đức H số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Khoản tiền phải thanh toán, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí:

2.4.1. Án phí dân sự ly hôn sơ thẩm: Ông Phan Văn H nhận nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0004957 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; ông H được nhận lại số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Bà Nông Thị D không phải chịu tiền án phí ly hôn.

2.4.2. Án phí chia tài sản chung: Các đương sự không phải chịu án phí chia tài sản chung do đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung trước khi Tòa án tiến hành hòa giải và đề nghị ghi nhận trong Quyết định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND thị trấn NH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Mạnh Hồng